

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **492/2022/HS-ST**

Ngày: 09-11-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thiều Thị Phi Loan;

2. Ông Trần Công Danh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 11 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 456/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 498/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2022 đối với:

Bị cáo: **Trần Văn N**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1997, tại tỉnh Q; Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Q; Nơi cư trú: Ấp N, xã B, huyện H, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ, đảng phái: Không; Họ và tên cha: Trần Ngọc S, sinh năm 1975 (còn sống); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1976 (còn sống); Gia đình bị cáo có 02 (hai) anh em; Bị cáo là con thứ nhất; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 14/4/2022, chuyển tạm giam theo Lệnh số 494 ngày 21/4/2022, của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa. (Có mặt)

- Bị hại: Anh Lê Trung T, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh B; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Ngày 06/8/2019, Lê Trung T (sinh năm 2001, trú tại: Thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh B) mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic, biển số 93L1-412.14 của anh Trần Văn N (trú tại: Thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh B) để đi công việc cá nhân thì được anh N đồng ý và giao xe. Ngày 07/8/2019, T điều khiển chiếc xe trên đến bãi đất trống thuộc Khu công nghiệp B, phường A, thành phố B, tỉnh Đ, gặp Chu Văn Q (sinh năm: 1991, trú tại: Khu phố 5, phường L, thành phố B) và Trần Văn N để cùng nhau ăn uống. Đến 22 giờ cùng ngày, N hỏi mượn xe của anh T để đi mua đồ ăn thì được anh T đồng ý giao xe. Khi điều khiển xe đi được khoảng 01 km thì N nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe để bán lấy tiền tiêu xài nên đã dùng điện thoại Samsung J5 (không nhớ số thuê bao) để nhắn tin rủ Q cùng đi bán xe thì Q đồng ý. N điều khiển xe quay trở lại chỗ cả nhóm vừa ngồi ăn uống, nhắn tin cho Q ra ngoài rồi chờ Q đi đến Thành phố H để tìm địa điểm bán xe nhưng không bán được nên N chờ Q quay về thành phố B, còn N thì tiếp tục đến Quận 12, Thành phố H bán xe cho một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 10.000.000đ (mười triệu đồng). Sau khi bán xong, N về thành phố B đưa cho Q số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) nói là tiền bán chiếc xe của anh T, số tiền còn lại N cùng Q cùng tiêu xài hết. Sau khi chiếm đoạt chiếc xe, N và Q tắt điện thoại và né tránh không gặp anh T.

Ngày 13/4/2022, Lê Trung T gặp lại Trần Văn N và Chu Văn Q tại huyện B, tỉnh B nên cả ba đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để trình báo sự việc. Tại đây, N và Q khai nhận hành vi phạm tội. Sau khi đầu thú, Q đã bỏ trốn không rõ tung tích, còn Trần Văn N được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa xử lý theo thẩm quyền.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic, biển số 93L1-412.14, của anh Trần Văn N giao cho anh Lê Trung T quản lý, sau khi chiếm đoạt chiếc xe trên, N đã đem bán cho người đàn ông (không rõ họ tên lai lịch), tại thành phố H, tài sản không thu hồi được.

- 01 điện thoại Samsung J5 (không nhớ số thuê bao) Trần Văn N sử dụng để nhắn tin rủ Q cùng thực hiện hành vi phạm tội, N đã làm mất nên không thu hồi được.

- Tại kết luận định giá tài sản số 82/KL-ĐG, ngày 14/10/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước kết luận: “Xe mô tô hiệu Honda Sonic màu đen, biển số 93L1-412.14, có giá 60.700.000đ (Sáu mươi triệu bảy trăm nghìn đồng)”.

- Về dân sự: Bị hại Lê Trung T yêu cầu bị cáo Trần Văn N bồi thường số tiền 60.700.000đ (Sáu mươi triệu bảy trăm nghìn đồng), hiện bị cáo chưa bồi thường.

2. Đối với các vấn đề khác:

- Đối với Chu Văn Q, ngày 13/4/2022 sau khi đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước Chu Văn Q đã bỏ trốn, đến nay chưa xác định được tung tích nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã tách vụ án liên quan đến hành vi của Chu Văn Q để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định.

- Đối với người đàn ông không rõ lai lịch, địa chỉ đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic, biển số 93L1-412.14 do Trần Văn N bán tại Thành phố H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tách ra, tiếp tục xác minh và xử lý theo quy định.

3. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 469/CT-VKSBH-HS ngày 05/10/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Trần Văn N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

- Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định.

Bị cáo N có mặt không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

3. Lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả, nhận thức được hành vi sai trái của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tổ tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại anh Lê Trung T có đơn xin xét xử vắng mặt, lời khai của họ đã đầy đủ và có trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- *Những chứng cứ xác định có tội:* Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, kết luận định giá tài sản, biên bản lấy lời khai bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 07/8/2019, tại bãi đất trống thuộc Khu công nghiệp B, phường A, thành phố B, tỉnh Đ, Trần Văn N đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic, biển số 93L1-412.14 có giá trị định giá 60.700.000đ (Sáu mươi triệu bảy trăm nghìn đồng) của anh Lê Trung T (xe mô tô biển số 93L1-412.14 thuộc quyền sở hữu của anh Trần Văn N đang cho anh T mượn), thì bị phát hiện, điều tra, xử lý.

- **Về tội danh:** Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Trần Văn N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản cáo trạng số 469/CT-VKSBH-HS ngày 05/10/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- **Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi:** Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, tổ chức và cá nhân. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để mượn tài sản rồi bỏ trốn, chiếm đoạt tài sản của bị hại bán lấy tiền tiêu xài và không có khả năng trả lại. Bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định, biết việc chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

- **Về nhân thân:** Bị cáo N có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự).

- **Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Không có.

- **Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo N để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về vật chứng:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic, biển số 93L1-412.14, của anh Trần Văn N giao cho anh Lê Trung T quản lý, sau khi chiếm đoạt chiếc xe trên, N đã đem bán cho người đàn ông (không rõ họ tên lai lịch), tại thành phố H, tài sản không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- 01 điện thoại Samsung J5 (không nhớ số thuê bao) Trần Văn N sử dụng để nhắn tin rủ Q cùng thực hiện hành vi phạm tội, N đã làm mất nên không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:

Buộc bị cáo Trần Văn N bồi thường cho anh Lê Trung T số tiền 60.700.000đ (Sáu mươi triệu bảy trăm nghìn đồng). Bởi lẽ, bị cáo đã có hành vi xâm phạm tài sản của anh T, là căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Tuy bị cáo N và đối tượng Chu Văn Q cùng chia nhau sử dụng số tiền bán chiếc xe đã chiếm đoạt nhưng để đảm bảo nguyên tắc bồi thường thiệt hại thực tế cho anh T được toàn bộ và kịp thời cần yêu cầu bị cáo N bồi thường cho anh T toàn bộ số tiền nêu trên.

[5] Đối với các vấn đề khác:

- Đối với Chu Văn Q, ngày 13/4/2022 sau khi đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh B Chu Văn Q đã bỏ trốn, đến nay chưa xác định được tung tích nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã tách vụ án liên quan đến hành vi của Chu Văn Q để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với người đàn ông không rõ lai lịch, địa chỉ đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic, biển số 93L1-412.14 do Trần Văn N bán tại Thành phố H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tách ra, tiếp tục xác minh và xử lý theo quy định nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị mức hình phạt phù hợp nên được chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của bị cáo tại phiên tòa được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn N **03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/4/2022.**

2. *Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:* Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2017); Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Trần Văn N bồi thường cho anh Lê Trung T số tiền 60.700.000đ (Sáu mươi triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày anh Lê Trung T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Trần Văn N chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. *Về án phí:* Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Văn N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.517.500 đồng (một triệu năm trăm mười bảy ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo Trần Văn N được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP.Biên Hòa
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hòa

